

Bản án số: 15/2020/HSST
Ngày: 16-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông: Nguyễn Văn Tuấn;

+ Ông: Trương Xuân Mâu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*
Ông Dương Văn Năm - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2020/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304 /2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với:

1. Bị cáo: **Nguyễn Anh Đ**; sinh ngày 07 tháng 10 năm 1993 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm V, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; tạm trú: Thôn 15, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Cao M (đã chết) và bà: Nguyễn L C; có vợ: Trần Thị Lệ T và có 01 con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 03 /01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: **Nguyễn Vũ L**; sinh ngày 29 tháng 4 năm 1997 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 158, đường Q, thị xã S, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hóa: 12/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị N; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1965, địa chỉ cư trú: Số 4 đường Q, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.
2. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.
3. Anh Hồ Sỹ V, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình
4. Chị Ngô Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 4, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình
5. Chị Ngô Thị N, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 9, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.
6. Chị Lê Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 6, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.
7. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình
8. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 7, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình
9. Bà Lê Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 4, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình
10. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình
11. Chị Trần Thị Thúy K, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 4, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình
12. Chị Dương Thị Tú, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 9, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình
13. Chị Võ Thị N, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình
14. Chị Trần Thị Q, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 14, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình
15. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 2, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình
16. Chị Hoàng Thị , sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 9, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình
17. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 4, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình
18. Anh Hoàng Thanh H, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình
19. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

20. Chị Trần Thị V, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 4, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

21. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 1, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

22. Chị Lê Thị D, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

23. Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình

24. Chị Đặng Thị Kim C, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 7, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

25. Chị Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

26. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố D, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

27. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 1, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Tất cả các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2018, Nguyễn Thái H, sinh năm 1990, trú tại 37E đường N, phường Q, thị xã S, thành phố Hà Nội vào tỉnh Quảng Bình hoạt động cho vay lãi nặng. Hoàng rủ Nguyễn Anh Đ và Nguyễn Vũ L tham gia hoạt động cho vay lãi nặng. Đến tháng 5/2019, Trần Tuấn L, sinh năm 2000, trú tại thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn cùng tham gia. Để hoạt động cho vay lãi nặng, Nguyễn Thái H thuê nhà ở chung và đăng ký tạm trú tại thôn 15, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và in tờ rơi có số điện thoại 0988.950.550 để người có nhu cầu vay liên lạc, nội dung cho vay trả góp không thế chấp tài sản. Khi người vay có nhu cầu vay tiền, các đối tượng này đến xem nhà để biết chỗ ở, kiểm tra Chứng minh nhân dân và sổ Hộ khẩu gốc rồi yêu cầu người vay phô tô để giữ lại, đồng thời thống nhất số tiền vay, lãi suất vay, cách thức, thời gian trả tiền gốc, tiền lãi và tiền phí dịch vụ. Người vay có thể vay nhiều gói, số tiền vay và thời gian trả, thời gian đáo hạn khác nhau.

Nguyễn Thái H là người điều hành, quản lý, chi, thu tiền và trực tiếp đi cho vay. Nguyễn Anh Đ, Nguyễn Vũ L, Trần Tuấn L1 đi thu tiền của những người mà H đã cho vay, đồng thời nhận tiền từ H để trực tiếp đi cho vay và chịu trách nhiệm thu tiền của người vay về đưa cho H. H trả tiền lương cho Đ, L và L1 được trích từ tiền lãi thu được mỗi tháng từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ. Đến khoảng đầu tháng 6/2019, Nguyễn Thái H rời khỏi địa bàn tỉnh Quảng Bình và giao lại cho Nguyễn Vũ L quản lý chi, thu tiền, L in tờ rơi có số điện thoại của L là 0975.482.091 để người vay liên

lạc. Trong thời gian quản lý việc cho vay, Nguyễn Vũ L đã nhiều lần chuyển tiền thu được cho Nguyễn Thái H thông qua tài khoản ngân hàng.

Hoạt động cho vay lãi nặng của Nguyễn Anh Đ và Nguyễn Vũ L được thực hiện cụ thể như sau:

Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Anh Đ:

Trong thời gian từ tháng 02/2019 đến tháng 10/2019, Nguyễn Anh Đ đã cho 17 người vay tiền với 65 gói vay, tổng số tiền cho vay là 618.000.000 đồng, lãi suất vay từ 180%/năm đến 524%/năm, gấp 9 lần đến 26,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền Đ đã thu là 692.300.500 đồng, trong đó tiền gốc là 549.337.079 đồng, tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) là 10.649.782 đồng và số tiền Nguyễn Anh Đ thu lợi bất chính là 131.348.091 đồng. Số tiền phí dịch vụ Nguyễn Anh Đ thu là 56.200.000 đồng. Số tiền gốc người vay chưa trả cho Nguyễn Anh Đ là 68.662.921 đồng. Cụ thể:

1. Chị Trần Thị H, sinh năm 1965, trú tại số 4, đường Q, phường H, TP Đ, từ tháng 5/2019 đến tháng 9/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 05 gói, mỗi gói 10.000.000 đồng, tổng số tiền 50.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 300.000 đồng/ngày/mỗi gói vay, thời gian vay 41 ngày, tương ứng lãi suất 202%/năm, cao gấp 10,1 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị H đã thanh toán xong cả 05 gói, với số tiền cả gốc và lãi là 61.500.000 đồng, trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi 11.500.000 đồng, mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 41 \text{ ngày}) \times 5 \text{ gói} = 1.123.287 \text{ đồng}$, tiền Đ thu lợi bất chính là: $11.500.000 \text{ đồng} - 1.123.287 \text{ đồng} = 10.376.712 \text{ đồng}$.

Hai gói vay đầu mỗi gói vay Nguyễn Anh Đ thu từ chị H số tiền 700.000 đồng tiền phí dịch vụ nên tiền phí Đ thu chị H tổng cộng 1.400.000 đồng. Số tiền Đ chiếm đoạt do vay nặng lãi là 11.776.712 đồng

2. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1980, trú tại TDP D, phường Đ, TP Đ, từ tháng 8/2018 đến tháng 9/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 12 gói, tổng số tiền 140.000.000 đồng, trong đó có 02 gói vay mỗi gói 20.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 600.000đ/ngày/mỗi gói vay, thời gian vay 42 ngày; 10 gói vay mỗi gói 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi 300.000đ/ngày/mỗi gói vay, thời gian vay 42 ngày, tương ứng lãi suất 223%/năm cao gấp 11, 15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị P đã trả cho Đ cả gốc và lãi 170.400.000 đồng (gói vay 10.000.000 đồng cuối cùng chị P mới trả được 22 ngày), trong đó tiền gốc 135.238.095 đồng, tiền lãi 35.161.905 đồng. Mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định 02 gói vay mỗi gói 20.000.000 đồng đã trả đủ là: $(20.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 42 \text{ ngày}) \times 02 \text{ gói} = 920.548 \text{ đồng}$; 09 gói vay mỗi gói 10.000.000 đồng đã trả đủ là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 42 \text{ ngày}) \times 09 \text{ gói} = 2.071.233 \text{ đồng}$ và gói vay cuối 10.000.000 đồng trả được 22 ngày là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 22 \text{ ngày} = 120.548 \text{ đồng}$, tiền Đ thu lợi bất chính là: $35.161.905 \text{ đồng} - (2.071.233 \text{ đồng} + 920.546 \text{ đồng} + 120.548 \text{ đồng}) = 32.049.576 \text{ đồng}$. Chị Nguyễn Thị P trả tiền trực tiếp cho Đ và sử dụng số tài khoản mang tên Nguyễn Thị P chuyển qua tài khoản 040087700714 mang tên Nguyễn Anh Đ và số tài khoản 42510001221280 mang tên Nguyễn Linh C (mẹ của Đ). Số tiền gốc chị P chưa trả cho Đ là 4.761.905 đồng.

Trong 12 gói chi P vay Nguyễn Anh Đ, mỗi gói vay số tiền 20.000.000 đồng, Đ thu tiền phí dịch vụ 2.000.000 đồng và mỗi gói vay 10.000.000 đồng Đ thu phí dịch vụ 1.000.000 đồng. Tổng cộng tiền phí Đ thu chi P là 14.000.000 đồng.

3. Anh Hồ Sỹ V, sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố D, phường Đ, TP Đ, từ tháng 8/2019 đến tháng 9/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 03 gói, mỗi gói 10.000.000 đồng, tổng số tiền 30.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 300.000đ/ngày/ mỗi gói vay, thời gian vay 32 ngày, tương ứng lãi suất 315%/năm cao gấp 15,75 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền anh V đã trả cho Đ cả gốc và lãi 31.600.000 đồng (gói vay cuối cùng anh V mới trả được 15 ngày), trong đó tiền gốc 24.688.000 đồng, tiền lãi 6.912.500 đồng. Mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định đối với 02 gói vay 10.000.000 đồng đã trả đủ là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 32 \text{ ngày}) \times 02 \text{ gói} = 350.684 \text{ đồng}$ và gói vay cuối mới trả được 15 ngày là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 15 \text{ ngày}) = 82.191 \text{ đồng}$, tiền Đ thu lợi bất chính: 6.912.500 đồng – (350.684 đồng + 82.191 đồng) = 6.479.623 đồng. Số tiền gốc anh V chưa trả cho Đ là 5.312.500 đồng.

Cứ mỗi gói anh V vay, Nguyễn Anh Đ thu số tiền phí dịch vụ 1.000.000 đồng, tổng cộng tiền phí Đ thu anh V là 3.000.000 đồng.

4. Chị Ngô Thị H, sinh năm 1970, trú tại tổ dân phố 4, phường N, TP Đ, từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 06 gói, mỗi gói 10.000.000 đồng, tổng số tiền 60.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 300.000đ/ngày, thời gian vay 42 ngày, tương ứng lãi suất 223%/năm cao gấp 11,15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị H đã trả cho Đ cả gốc và lãi 58.200.000 đồng (03 gói vay cuối chị H mới trả được lần lượt là 37 ngày, 19 ngày và 12 ngày), trong đó tiền gốc 46.190.476 đồng, tiền lãi 12.009.524 đồng. Mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định của ba gói vay đầu chị H đã trả đủ là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 42 \text{ ngày}) \times 03 \text{ gói} = 690.411 \text{ đồng}$; gói vay lần 4 mới trả được 37 ngày là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 37 \text{ ngày} = 202.739 \text{ đồng}$; gói vay lần 5 mới trả được 19 ngày là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 104.109 \text{ đồng}$ và gói vay cuối mới trả được 12 ngày là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 12 \text{ ngày} = 65.753 \text{ đồng}$, tiền Đ thu lợi bất chính là: 12.009.524 đồng – (690.411 đồng + 202.739 đồng + 104.109 đồng + 65.753 đồng) = 10.946.510 đồng. Tổng số tiền gốc chị H chưa trả cho Đ của 03 gói cuối là (1.190.476 đồng + 5.476.190 đồng + 7.142.857 đồng) = 13.809.523 đồng.

Trong 03 gói vay đầu mỗi gói 10.000.000 đồng Đ thu tiền phí dịch vụ mỗi gói 1.000.000 đồng, 03 gói vay sau Đ thu tiền phí dịch vụ mỗi gói 800.000 đồng. Tổng số tiền phí Đ thu chị H là 5.400.000 đồng.

5. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1971, trú tại tổ dân phố 9, phường B, TP Đ, từ tháng 3/2019 đến tháng 10/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 08 gói, mỗi gói 10.000.000 đồng, tổng số tiền 80.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 300.000đ/ngày/mỗi gói vay, thời gian vay 42 ngày, tương ứng lãi suất 223%/năm cao gấp 11,15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị N đã trả cho Đ cả gốc và lãi 90.300.000 đồng (gói cuối cùng chị N mới trả được 07 ngày), trong đó tiền gốc 71.666.667 đồng, tiền lãi là 18.633.333 đồng. Mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định 07 gói vay chị N đã trả đủ là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 42 \text{ ngày}) \times 07 \text{ gói} = 1.610.959 \text{ đồng}$ và gói vay mới trả được 07 ngày là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 07 \text{ ngày} = 38.356 \text{ đồng}$,

tiền Đ thu lợi bất chính là: $18.633.333 \text{ đồng} - (1.610.959 \text{ đồng} + 38.356 \text{ đồng}) = 16.984.018 \text{ đồng}$. Số tiền gốc chị N chưa trả cho Đ là 8.333.333 đồng.

Trong 08 gói vay trên cứ mỗi gói Đ đều thu tiền phí dịch vụ số tiền 1.000.000 đồng, tổng cộng tiền phí Đ thu chị N là 8.000.000 đồng.

6. Chị Lê Thị H, sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố 6, phường Đ, TP Đ, từ tháng 02/2019 đến tháng 10/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 09 gói, mỗi gói 10.000.000 đồng, tổng số tiền 90.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 300.000đ/ngày/mỗi gói vay, thời gian vay 42 ngày, tương ứng lãi suất 223%/năm cao gấp 11,15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị H đã trả cho Đ cả gốc và lãi 95.100.000 đồng (02 gói cuối chị H mới trả lần lượt là 21 ngày và 02 ngày), trong đó tiền gốc 75.476.190 đồng, tiền lãi là 19.623.810 đồng. Mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định đối với 07 gói đã trả đủ là: $(10.000.000\text{đ} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 42 \text{ ngày}) \times 07 \text{ gói} = 1.610.959 \text{ đồng}$; đối với gói vay lần 8 trả được 21 ngày là: $10.000.000\text{đ} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 21 \text{ ngày} = 115.068 \text{ đồng}$; đối với gói vay lần cuối trả được 02 ngày là: $10.000.000\text{đ} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 02 \text{ ngày} = 10.958 \text{ đồng}$, tiền Đ thu lợi bất chính: $19.623.810 \text{ đồng} - (1.610.959 \text{ đồng} + 115.068 \text{ đồng} + 10.958 \text{ đồng}) = 17.886.823 \text{ đồng}$. Tổng số tiền gốc chị H chưa trả cho Đ của 02 gói cuối là $(5.000.000 \text{ đồng} + 9.523.810 \text{ đồng}) = 14.523.810 \text{ đồng}$.

Trong 09 gói vay trên cứ mỗi gói Đ đều thu tiền phí dịch vụ số tiền 1.000.000 đồng, tổng cộng tiền phí Đ thu chị H là 9.000.000 đồng.

7. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1961, trú tại thôn N, xã N, huyện B, từ tháng 8/2019 đến tháng 10/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 04 gói tổng số tiền 35.000.000 đồng, gồm 01 gói vay 5.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 300.000đ/ngày/mỗi gói vay, thời gian vay 22 ngày; 03 gói vay 10.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 600.000đ/ngày/mỗi gói vay, thời gian vay 22 ngày, tương ứng lãi suất 524%/năm cao gấp 26,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị N đã trả cho Đ cả gốc và lãi 43.800.000 đồng (gói vay cuối chị N mới trả được 18 ngày), trong đó tiền gốc 33.181.818 đồng, tiền lãi 10.618.182 đồng. Mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định đối với hai gói vay mỗi gói 10.000.000 đồng đã trả đủ là: $(10.000.000\text{đ} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 22 \text{ ngày}) \times 02 \text{ gói} = 241.094 \text{ đồng}$; đối với gói vay 5.000.000 đồng đã trả đủ là: $5.000.000\text{đ} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 22 \text{ ngày} = 60.273 \text{ đồng}$; đối với gói vay cuối mới trả 18 ngày là: $10.000.000\text{đ} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 18 \text{ ngày} = 98.630 \text{ đồng}$ tiền Đ thu lợi bất chính: $10.618.182 \text{ đồng} - (241.094 \text{ đồng} + 60.273 \text{ đồng} + 98.630 \text{ đồng}) = 10.218.182 \text{ đồng}$. Số tiền gốc chị N chưa trả cho Đ là 1.818.182 đồng.

Trong 04 gói vay trên cứ mỗi gói vay 10.000.000 đồng Đ đều thu tiền phí dịch vụ số tiền 1.000.000 đồng, gói vay 5.000.000 đồng Đ thu tiền phí dịch vụ 500.000 đồng, tổng cộng tiền phí Đ thu chị N là 3.500.000 đồng.

8. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, trú tại tổ dân phố 7, phường H, TP Đ, trong tháng 9/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 01 gói 10.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 500.000đ/ngày, thời gian vay 24 ngày, tương ứng lãi suất 300%/năm cao gấp 15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị H mới trả được 03 ngày, số tiền chị H đã trả cho Đ cả gốc và lãi 1.500.000 đồng, trong đó tiền gốc 1.250.000 đồng, tiền lãi 250.000 đồng. Mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định là: $10.000.000\text{đ} \times 20\% : 365 \text{ ngày}$

x 03 ngày = 16.438 đồng, tiền Đ thu lợi bất chính: 250.000 đồng - 16.438 đồng = 233.562 đồng. Số tiền gốc chị H chưa trả cho Đ là 8.750.000 đồng.

Trong gói vay trên Đ thu chị H tiền phí dịch vụ số tiền 1.000.000 đồng.

9. Chị Lê Thị L, sinh năm 1963, trú tại tổ dân phố 4, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, khoảng cuối tháng 8/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 01 gói 5.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 200.000đ/ngày, thời gian vay 32 ngày, tương ứng lãi suất 315%/năm cao gấp 15,75 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị L đã trả cho Đ cả gốc và lãi 6.400.000 đồng, trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.400.000 đồng. Mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định là: $5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 32 \text{ ngày} = 87.671 \text{ đồng}$, tiền Đ thu lợi bất chính: 1.400.000 đồng - 87.671 đồng = 1.312.329 đồng.

Trong gói vay trên Đ thu chị L tiền phí dịch vụ số tiền 600.000 đồng.

10. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố 5, phường N, TP Đ, khoảng đầu tháng 8/2019 đến tháng 10/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 03 gói tổng số tiền 30.000.000 đồng, số tiền mỗi gói 10.000.000 đồng, trong đó có 02 gói trả tiền cả gốc và lãi 500.000đ/ngày/mỗi gói, thời gian vay 26 ngày; 01 gói trả tiền cả gốc và lãi 400.000đ/ngày, thời gian vay 32 ngày, tương ứng lãi suất từ 315%/năm đến 415%/năm cao gấp 15 lần đến 20,75 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị C đã trả cho Đ cả gốc và lãi 34.000.000 đồng (gói cuối cùng chị C vay 32 ngày mới trả được 20 ngày), trong đó tiền gốc 26.250.000 đồng, tiền lãi 7.750.000 đồng. Mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định 02 gói đã trả đủ là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 26 \text{ ngày}) \times 2 \text{ gói} = 284.930 \text{ đồng}$; mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định đối với gói cuối mới trả được 20 ngày là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 20 \text{ ngày} = 109.589 \text{ đồng}$, tiền Đ thu lợi bất chính: 7.750.000 đồng - (284.930 đồng + 109.589 đồng) = 7.355.479 đồng. Số tiền gốc chị C chưa trả cho Đ là 3.750.000 đồng.

Trong 03 gói vay trên cứ mỗi gói Đ đều thu tiền phí dịch vụ số tiền 500.000 đồng, tổng cộng tiền phí Đ thu chị Chiêu là 1.500.000 đồng.

11. Chị Trần Thị Thúy K, sinh năm 1971, trú tại tổ dân phố 4, phường H, TP Đ, khoảng đầu tháng 5/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 01 gói 5.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 200.000đ/ngày, thời gian vay 30 ngày, tương ứng lãi suất 240%/năm cao gấp 12 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị K mới trả cho Đ được 05 ngày, với số tiền cả gốc và lãi 1.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 833.333 đồng, tiền lãi 166.667 đồng. Mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định là: $5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 05 \text{ ngày} = 13.698 \text{ đồng}$, tiền Đ thu lợi bất chính: 166.667 đồng - 13.698 đồng = 152.968 đồng. Số tiền gốc chị K chưa trả cho Đ là 4.166.667 đồng.

Trong gói vay trên Đ thu chị K tiền phí dịch vụ số tiền 500.000 đồng.

12. Chị Dương Thị T, sinh năm 1978, trú tại tổ dân phố 9, phường N, TP Đ, khoảng giữa tháng 9/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 01 gói 3.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 150.000đ/ngày, thời gian vay 26 ngày, tương ứng lãi suất tính 415%/năm cao gấp 20,75 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị T đã trả cho Đ số tiền cả gốc và lãi 3.900.000 đồng, trong đó tiền gốc 3.000.000 đồng, tiền lãi 900.000 đồng, mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định là: $3.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 26 \text{ ngày} = 42.740 \text{ đồng}$, tiền Đ thu lợi bất chính: 900.000 đồng - 42.740 đồng = 857.260 đồng.

Đ thu chi T tiền phí dịch vụ số tiền 300.000 đồng.

13. Chị Võ Thị N, sinh năm 1971, trú tại tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện Q, khoảng giữa tháng 09/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 01 gói 5.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 300.000đ/ngày, thời gian vay 22 ngày, tương ứng lãi suất 524%/năm cao gấp 26,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị N đã trả cho Đ số tiền cả gốc và lãi 6.600.000 đồng, trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.600.000 đồng, mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định là: $5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 22 \text{ ngày} = 60.273$ đồng, tiền Đ thu lợi bất chính: $1.600.000 \text{ đồng} - 60.274 \text{ đồng} = 1.539.726 \text{ đồng}$.

Đ thu chi N tiền phí dịch vụ số tiền 500.000 đồng.

14. Chị Trần Thị Q, sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố 14, phường B, TP Đ, từ tháng 03/2019 đến tháng 07/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 04 gói, mỗi gói 10.000.000 đồng, tổng số tiền 40.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 300.000đ/ngày cho mỗi gói, thời gian vay 40 ngày, tương ứng lãi suất 180%/năm cao gấp 9 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị Q đã trả cho Đ số tiền cả gốc và lãi 48.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi 8.000.000 đồng, mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định đối với cả 04 gói vay chị Q trả đủ là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 40 \text{ ngày}) \times 04 \text{ gói} = 876.712 \text{ đồng}$, tiền Đ thu lợi bất chính: $8.000.000 \text{ đồng} - 876.712 \text{ đồng} = 7.123.288 \text{ đồng}$.

Trong 04 gói vay trên cứ mỗi gói vay Đ đều thu tiền phí dịch vụ số tiền 1.000.000 đồng, tổng cộng tiền phí Đ thu chi Q là 4.000.000 đồng.

15. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973, trú tại tổ dân phố 2, phường Đ, TP Đ, từ tháng 3/2019 đến tháng 6/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 04 gói, mỗi gói 5.000.000 đồng, tổng số tiền 20.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 200.000đ/ngày cho mỗi gói, thời gian vay 32 ngày, tương ứng lãi suất 315%/năm cao gấp 15,75 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị T đã trả cho Đ cả gốc và lãi 21.200.000 đồng (gói cuối cùng chị T mới trả được 10 ngày), trong đó tiền gốc 16.562.500 đồng, tiền lãi 4.637.500 đồng, mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định đối với ba gói đã trả xong là: $(5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 32 \text{ ngày}) \times 03 \text{ gói} = 263.013 \text{ đồng}$ và mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định đối với gói vay cuối mới trả được 10 ngày là: $5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 27.397 \text{ đồng}$, tiền Đ thu lợi bất chính: $4.637.500 \text{ đồng} - (263.013 \text{ đồng} + 27.397 \text{ đồng}) = 4.347.090 \text{ đồng}$. Số tiền gốc chị T chưa trả cho Đ là 3.437.500 đồng.

Trong 04 gói vay trên cứ mỗi gói vay Đ đều thu tiền phí dịch vụ số tiền 500.000 đồng, tổng cộng tiền phí Đ thu chi T là 2.000.000 đồng.

16. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1973, trú tại tổ dân phố 9, phường B, TP Đ, khoảng đầu tháng 06/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 01 gói 10.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 300.000đ/ngày, thời gian vay 42 ngày, tương ứng lãi suất 223%/năm cao gấp 11,15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị L đã trả cho Đ số tiền cả gốc và lãi 12.600.000 đồng, trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.600.000 đồng, mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 42 \text{ ngày} = 230.137 \text{ đồng}$, tiền Đ thu lợi bất chính: $2.600.000 \text{ đồng} - 230.137 \text{ đồng} = 2.369.863 \text{ đồng}$.

Trong gói vay trên Đ thu chi L tiền phí dịch vụ số tiền 1.000.000 đồng.

17. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố 4, phường Đ, TP Đ, khoảng giữa tháng 04/2019 đã vay Nguyễn Anh Đ 01 gói 5.000.000 đồng, trả tiền cả gốc và lãi 200.000đ/ngày, thời gian vay 31 ngày, tương ứng lãi suất 279%/năm cao gấp 13,95 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị T đã trả cho Đ số tiền cả gốc và lãi 6.200.000đồng, trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.200.000 đồng, mức lãi suất 20% Đ được hưởng theo quy định là: $5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 84.932$ đồng tiền Đ thu lợi bất chính: 1.200.000 đồng - 84.932 đồng = 1.115.069 đồng.

Đ thu chi T tiền phí dịch vụ số tiền 500.000 đồng.

Ngoài ra, Nguyễn Anh Đ khai nhận còn cho các trường hợp người có tên Q hay K, bán bánh lọc tại chợ B; người có tên H, làm phục vụ tại nhà nghỉ Anh L, đường T, TP Đ; người có tên Lê Thị T, sinh năm 1971, trú tại số nhà 12, ngõ 163, đường H, phường Đ; người có tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1978, trú tại TDP 11, phường B, TP Đ; người có tên L, nhà gần cây xăng B, TP Đ; người có tên L, nhà ở xã B, TP Đ; người có tên Tt, làm Spa gần chợ C, TP Đ; người có tên T, làm nghề thu mua sắt vụn trên đoạn đường F325, TP Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã xác minh nhưng do thiếu thông tin có liên quan và một số trường hợp hiện không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì. Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh khi làm rõ sẽ xử lý theo đúng quy định pháp luật.

Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Vũ L:

Từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 10/2019, Nguyễn Vũ L đã cho 11 người vay tiền với 34 gói vay, tổng số tiền cho vay 285.000.000 đồng, mức lãi suất từ 205%/năm đến 421%/năm, cao gấp 10,25 lần đến 21,05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền L đã thu là 304.800.000 đồng, trong đó tiền gốc đã nhận là 244.282.078 đồng, tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) là 5.000.000 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 55.518.859 đồng. Số tiền phí dịch vụ Nguyễn Vũ L thu là 24.100.000 đồng. Số tiền gốc người vay chưa trả cho Nguyễn Vũ L là 40.718.857 đồng. Ngoài ra, trong thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 10/2019, Nguyễn Vũ L được Nguyễn Thái H giao quản lý, chi, thu tiền vay, L đã chi tiền cho Nguyễn Anh Đ cho 15 người vay, với tổng số tiền gốc 338.000.000 đồng, thu lợi bất chính 67.299.154 đồng; lãi suất từ 202%/năm đến 524%/năm, cao gấp 10,1 lần đến 26,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Nguyễn Vũ L phải chịu trách nhiệm chung về số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Anh Đ. Tổng số tiền Nguyễn Vũ L thu lợi bất chính là 146.918.011 đồng (tiền lãi thu vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 122.818.011 đồng, tiền phí dịch vụ là 24.100.000 đồng).

Cụ thể:

1. Chị Trần Thị H, sinh năm 1965, trú tại số 4, đường Q, phường H, TP Đ, từ tháng 4/2019 đến tháng 9/2019 đã vay Nguyễn Vũ L 07 gói, mỗi gói 10.000.000 đồng, tổng số tiền 70.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 300.000đ/ngày cho mỗi gói vay, thời gian vay 42 ngày, tương ứng lãi suất 226%/năm cao gấp 11,3 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị H đã trả cho L cả gốc và lãi là 79.500.000 đồng (gói cuối cùng chị H mới trả được 13 ngày), trong đó tiền gốc là 63.095.283 đồng, tiền lãi là

16.404.762 đồng, mức lãi suất 20% L được hưởng theo quy định đối với 06 gói vay đã trả đủ là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 42 \text{ ngày}) \times 6 \text{ gói} = 1.380.822 \text{ đồng}$; đối với gói vay cuối chị H mới trả được 13 ngày là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 13 \text{ ngày} = 71.233 \text{ đồng}$, tiền L thu lợi bất chính là: $16.404.762 \text{ đồng} - (1.380.822 \text{ đồng} + 71.233 \text{ đồng}) = 14.952.707 \text{ đồng}$. Số tiền gốc chị H chưa trả cho L là 6.904.762 đồng.

Trong 07 gói vay trên cứ mỗi gói vay L đều thu tiền phí dịch vụ số tiền 1.000.000 đồng, tổng cộng tiền phí L thu chị H là 7.000.000 đồng.

2. Anh Hoàng Thanh H, sinh năm 1984, trú tại xã V, huyện Q, từ tháng 4/2019 đến tháng 9/2019 đã vay Nguyễn Vũ L 06 gói tổng số tiền 50.000.000 đồng, trong đó 04 gói 10.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 300.000đ/ngày cho mỗi gói, thời gian vay 42 ngày; 02 gói 5.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 250.000đ/ngày cho mỗi gói, thời gian vay 25 ngày, tương ứng lãi suất 226%/năm đến 365%/năm, cao gấp 11,3 lần đến 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền anh H đã trả cho L cả gốc và lãi là 59.400.000 đồng (gói cuối cùng vay 25 ngày anh H mới trả được 11 ngày), trong đó tiền gốc là 47.200.000 đồng, tiền lãi là 12.200.000 đồng. Mức lãi suất 20% L được hưởng theo quy định đối với 04 gói vay đầu anh H đã trả xong là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 42 \text{ ngày}) \times 4 \text{ gói} = 920.548 \text{ đồng}$; đối với gói vay 5.000.000 đồng, anh H đã trả xong là: $5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 25 \text{ ngày} = 68.493 \text{ đồng}$ và gói vay cuối mới trả được 11 ngày là: $5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 11 \text{ ngày} = 30.136 \text{ đồng}$, tiền L thu lợi bất chính là: $12.200.000 \text{ đồng} - (920.548 \text{ đồng} + 68.493 \text{ đồng} + 30.136 \text{ đồng}) = 11.180.822 \text{ đồng}$. Số tiền gốc anh H chưa trả cho L là 2.800.000 đồng.

Trong 06 gói vay trên có 04 gói vay mỗi gói vay 10.000.000 đồng L đều thu tiền phí dịch vụ số tiền 1.000.000 đồng, tổng cộng tiền phí L thu anh H là 4.000.000 đồng.

3. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1985, trú tại xã V, huyện Q, tháng 9/2019 đã vay Nguyễn Vũ L 01 gói 10.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 400.000đ/ngày, thời gian vay 31 ngày, lãi suất 283%/năm cao gấp 14,15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị H trả được 30 ngày, với số tiền cả gốc và lãi là 12.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 9.677.419 đồng, tiền lãi là 2.322.581 đồng, mức lãi suất 20% L được hưởng theo quy định là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 164.384 \text{ đồng}$, tiền L thu lợi bất chính là: $2.322.581 \text{ đồng} - 164.384 \text{ đồng} = 2.158.197 \text{ đồng}$. Số tiền gốc chị H chưa trả cho L là 322.581 đồng.

4. Chị Trần Thị V, sinh năm 1973, trú tại tổ dân phố 4, phường N, TP Đ, tháng 9/2019 đã vay Nguyễn Vũ L 01 gói 20.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 600.000đ/ngày, thời gian vay 41 ngày, tương ứng lãi suất tính 205%/năm cao gấp 10,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị V trả được 25 ngày, với số tiền cả gốc và lãi là 15.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 12.196.000 đồng, tiền lãi là 2.804.878 đồng, mức lãi suất 20% L được hưởng theo quy định là: $20.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 25 \text{ ngày} = 273.973 \text{ đồng}$, tiền L thu lợi bất chính là: $2.804.878 \text{ đồng} - 273.973 \text{ đồng} = 2.530.905 \text{ đồng}$. Số tiền gốc chị V chưa trả cho L là 7.804.878 đồng.

Trong gói vay trên L thu chị V tiền phí dịch vụ số tiền 2.000.000 đồng.

5. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1964, trú tại tổ dân phố 1, phường H, TP Đ, tháng 6/2019 đã vay Nguyễn Vũ L 01 gói 5.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 200.000đ/ngày, thời gian vay 30 ngày, tương ứng lãi suất 243%/năm cao gấp 12,15 lần

so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị C đã trả cho L, số tiền cả gốc và lãi là 6.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 1.000.000 đồng, mức lãi suất 20% L được hưởng theo quy định là: $5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 82.192 \text{ đồng}$, tiền L thu lợi bất chính là: 1.000.000 đồng - 82.192 đồng = 917.808 đồng.

Gói vay trên L thu chị C tiền phí dịch vụ số tiền 200.000 đồng.

6. Chị Lê Thị D, sinh năm 1972, trú tại thôn H, xã B, TP Đ, từ đầu tháng 4/2019 đến tháng 7/2019 đã vay Nguyễn Vũ L 04 gói, mỗi gói 5.000.000 đồng, tổng số tiền 20.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 200.000đ/ngày cho mỗi gói, thời gian vay 31 ngày, tương ứng lãi suất 283%/năm cao gấp 14,15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị D đã trả cho L cả gốc và lãi là 22.400.000 đồng (gói cuối cùng chị D mới trả được 19 ngày), trong đó tiền gốc là 18.064.516 đồng, tiền lãi là 4.335.484 đồng, mức lãi suất 20% L được hưởng theo quy định đối với ba gói chị D đã trả xong là: $(5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày}) \times 03 \text{ gói} = 254.794 \text{ đồng}$ và gói vay chị D mới trả được 19 ngày là: $5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 52.055 \text{ đồng}$, L thu lợi bất chính là: 4.335.484 đồng - (254.794 đồng + 52.055 đồng) = 4.028.635 đồng. Số tiền gốc chị D chưa trả cho L là 1.935.484 đồng.

Trong 04 gói vay trên L đều thu tiền phí dịch vụ số tiền 500.000 đồng, tổng cộng tiền phí L thu chị D là 2.000.000 đồng.

7. Chị Trần Thị T, sinh năm 1985, trú tại: tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, ngày 07 tháng 10 năm 2019 đã vay Nguyễn Vũ L 01 gói 5.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 250.000đ/ngày, thời gian vay 25 ngày, lãi suất tính 365%/năm cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị T mới trả cho L được 04 ngày, với số tiền cả gốc và lãi là 1.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 800.000 đồng, tiền lãi là 200.000 đồng, mức lãi suất 20% L được hưởng theo quy định là: $5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 04 \text{ ngày} = 10.959 \text{ đồng}$, tiền L thu lợi bất chính là: 200.000 đồng - 10.959 đồng = 189.041 đồng. Số tiền gốc chị T chưa trả cho L là 4.200.000 đồng.

L thu chị T tiền phí dịch vụ số tiền 1.000.000 đồng.

8. Chị Đặng Thị Kim C, sinh năm 1978, trú TDP 7, phường Đ, TP Đ, tháng 6/2019 đã vay Nguyễn Vũ L 03 gói, mỗi gói 5.000.000 đồng, tổng số tiền 15.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 200.000đ/ngày, thời gian vay 31 ngày, lãi suất tính 283%/năm cao gấp 14,15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị C đã trả cho L cả gốc và lãi là 16.400.000 đồng (trong đó gói cuối cùng chị C mới trả được 20 ngày), trong đó tiền gốc là 13.225.806 đồng, tiền lãi là 3.174.194 đồng, mức lãi suất 20% L được hưởng theo quy định đối với hai gói chị C đã trả xong là: $(5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày}) \times 02 \text{ gói} = 169.863 \text{ đồng}$ và gói vay cuối chị C trả được 20 ngày là: $5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 20 \text{ ngày} = 54.795 \text{ đồng}$, tiền L thu lợi bất chính là: 3.174.194 đồng - (169.863 đồng + 54.795 đồng) = 2.949.536 đồng. Số tiền gốc chị C chưa trả cho L là 1.774.194 đồng.

Trong 03 gói vay trên L đều thu tiền phí dịch vụ mỗi gói số tiền 300.000 đồng, tổng cộng L thu chị C là 900.000 đồng.

9. Chị Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1978, trú xã T, TP Đ, từ tháng 2/2019 đến tháng 4/2019 đã vay Nguyễn Vũ L 03 gói tổng số tiền 40.000.000 đồng, trong đó 01

gói 20.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 600.000đ/ngày, thời gian vay 41 ngày; 02 gói 10.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 300.000đ/ngày, thời gian vay 42 ngày, tương ứng lãi suất từ 205%/năm đến 226%/năm cao gấp từ 10,25 lần đến 11,3 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị A đã trả cho L cả gốc và lãi là 41.700.000 đồng (trong đó gói 10.000.000 đồng cuối cùng chị A mới trả cho L được 15 ngày), tiền gốc là 33.571.429 đồng, tiền lãi là 8.128.571 đồng. Mức lãi suất 20% L được hưởng theo quy định đối với gói vay đầu 20.000.000 đồng chị A đã trả xong là: $20.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 41 \text{ ngày} = 449.315 \text{ đồng}$; đối với gói vay lần 2 chị A đã trả xong là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 42 \text{ ngày} = 230.136,99 \text{ đồng}$ và đối với gói vay cuối chị A mới trả được 15 ngày là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 15 \text{ ngày} = 82.191 \text{ đồng}$, L thu lợi bất chính là: $8.128.571 \text{ đồng} - (449.315 \text{ đồng} + 230.136,99 \text{ đồng} + 82.191 \text{ đồng}) = 7.366.928 \text{ đồng}$. Số tiền gốc chị A chưa trả cho L là 6.428.571 đồng.

Trong 03 gói vay trên cứ mỗi gói vay 10.000.000 đồng L đều thu tiền phí dịch vụ số tiền 1.000.000 đồng, gói vay 20.000.000 đồng L thu tiền phí 2.000.000 đồng, tổng cộng tiền phí L thu chị A là 4.000.000 đồng.

10. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1963, trú tại xã Đ, TP Đ, từ đầu tháng 8/2019 đến tháng 10/2019 đã vay Nguyễn Vũ L 03 gói 10.000.000 đồng, tổng số tiền 30.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 400.000đ/ngày cho mỗi gói, thời gian vay 31 ngày, tương ứng lãi suất 283%/năm cao gấp 14,15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị T đã trả cho L cả gốc và lãi là 28.800.000 đồng (trong đó gói cuối cùng chị T mới trả cho L được 10 ngày), tiền gốc là 23.225.816 đồng, tiền lãi là 5.574.194 đồng. Mức lãi suất 20% L được hưởng theo quy định đối với hai gói vay đầu chị T đã trả xong là: $(10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày}) \times 02 \text{ gói} = 339.726 \text{ đồng}$ và đối với gói vay lần 3 chị T mới trả được 10 ngày là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 54.795 \text{ đồng}$, số tiền L thu lợi bất chính là: $5.574.194 \text{ đồng} - (339.726 \text{ đồng} + 54.795 \text{ đồng}) = 5.179.673 \text{ đồng}$. Số tiền gốc chị T chưa trả cho L là 6.774.194 đồng.

Trong 03 gói vay trên L thu tiền phí dịch vụ chị T là 3.000.000 đồng.

11. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1964, trú tại TDP 1, phường H, TP Đ, từ tháng 4/2019 đến tháng 7/2019 đã vay Nguyễn Vũ L 04 gói mỗi gói 5.000.000 đồng, tổng số tiền 20.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi 200.000đ/ngày cho mỗi gói, thời gian vay 31 ngày, tương ứng lãi suất 283%/năm cao gấp 14,15 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền chị M đã trả cho L cả gốc và lãi là 22.600.000 đồng (trong đó gói cuối cùng chị M mới trả cho L được 20 ngày), tiền gốc là 16.225.809 đồng, tiền lãi là 4.374.194 đồng. Mức lãi suất 20% L được hưởng theo quy định đối với 03 gói vay chị M đã trả xong là: $(5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày}) \times 03 \text{ gói} = 254.794 \text{ đồng}$ và gói vay cuối chị M trả được 20 ngày là: $5.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 20 \text{ ngày} = 54.794 \text{ đồng}$, số tiền L thu lợi bất chính là: $4.374.194 \text{ đồng} - (254.794 \text{ đồng} + 54.794 \text{ đồng}) = 4.064.605 \text{ đồng}$. Số tiền gốc chị M chưa trả cho L là **1.774.194 đồng**.

Ngoài ra, Nguyễn Vũ L khai nhận còn cho các trường hợp người có tên H, nhà đường Nguyễn Thị Đ, xã B; người có tên Nguyễn Thị L, trú tại TDP5, phường Đ; người có tên Đặng Thị T trú tại TDP7, phường Đ; người có tên Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, xã B, TP Đ; người có tên Đào Thị L, sinh năm 1984, trú tại thôn H, xã B, TP Đ; người có tên L, làm tạp vụ nhà ở ngõ gần cây xăng xã B, TP Đ. Cơ quan

CSDT Công an tỉnh Quảng Bình đã xác minh nhưng do thiếu thông tin có liên quan và một số trường hợp hiện không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì. Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh khi làm rõ sẽ xử lý theo đúng quy định pháp luật.

Đối với Nguyễn Thái H: hiện nay H bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan CSDT Công an tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định truy nã, Quyết định tách vụ án và tạm đình chỉ điều tra đối với Nguyễn Thái H, khi bắt được sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Trần Tuấn L1, quá trình điều tra xác định từ tháng 05/2019, L1 cùng tham gia hoạt động cho vay dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Thái H, hành vi của L1 độc lập, không liên quan đến hành vi của Nguyễn Anh Đ và Nguyễn Vũ L. Quá trình điều tra, xác minh tại chỗ ở của L1, xác định Trần Tuấn L1 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, đi đâu không rõ địa chỉ, không liên lạc được. Hiện Nguyễn Thái H đang bị truy nã nên chưa làm rõ được vai trò của Trần Tuấn L1. Cơ quan CSDT Công an tỉnh Quảng Bình đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi xác minh làm rõ sẽ xử lý theo đúng quy định pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã tạm giữ số vật chứng sau:

Tạm giữ từ Nguyễn Anh Đ:

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS Max, số IMEI: 353103103256298, số seri: F2LYOF51KPHJ, gắn sim số thuê bao 0911.701.993.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 357331087303804, gắn sim số thuê bao 0366.664.350.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, số IMEI: 358991095531651, gắn sim số thuê bao 0358.060.078.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, số khung: 202473, số máy: 202481, biển kiểm soát: 73C1 - 052.43.

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng VPBank, mang tên Nguyễn Anh Đ, số thẻ: 9704 3208 8223 6104.

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Sacombank, mang tên Nguyễn Anh Đ, số thẻ: 9704 0371 9192 2345.

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Agribank, mang tên Nguyễn L Chi, số thẻ: 9704 0509 5158 7711.

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 (một) bản photo sổ hộ khẩu số 2434, chủ hộ Nguyễn Thị Đ và 01 (một) bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Đào.

- 01 (một) bản photo sổ hộ khẩu số 396, chủ hộ Nguyễn Văn D, có vợ là Nguyễn Thị D.

- 01 (một) bản photo căn cước công dân số 044168000731, mang tên Nguyễn Thị D.

- 01 (một) tờ giấy kê ô có ghi tên của 27 người (có chữ ký của Nguyễn Anh Đ).
- 01 (một) sổ có bìa màu đen, có chữ NEWS (A2-K9) có chữ ký của Nguyễn Anh Đ.
- 01 (một) hợp đồng cầm đồ số: 055/34, Họ tên (người mang đồ) Đ.
- 1579 (một nghìn năm trăm bảy mươi chín) tờ rơi CHO VAY TIỀN TRẢ GÓP, có số điện thoại 0375482091.
- Tạm giữ từ Nguyễn Vũ L:
- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu trắng, số IMEI: 354492091874132, gắn sim số thuê bao 0981.876.974.
- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số IMEI: 356962095028875, gắn sim số thuê bao 0375.482.091.
- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, số seri: GHHXCOPKJWLM, số máy: MRTC2LL/A, số IMEI: 354837096716821.
- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Vũ L, số: 9704 1801 0266 0131.
- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Vũ L, số: 9704 0509 5358 1456.
- 01 (một) thẻ ATM, trên thẻ có ghi Thẻ thanh toán Plus, mang tên Nguyễn Vũ L, số: 9704 0351 6591 0908.
- 01 (một) Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Vũ L, số: 440192005964.
- 01 (một) Căn cước công dân số 044185001464, mang tên Hoàng Thị H.
- 01 (một) Giấy bán xe của cửa hàng mua bán xe máy Nguyên Trang, bán xe máy Sirius, biển kiểm soát: 73C1-052.43 cho Nguyễn Thái H ghi ngày 27/7/2019.
- 01 (một) Chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên mang tên Trần Thị Mỹ A.
- 02 (hai) Hợp đồng mua bán có chữ ký, ghi tên Trần Thị Mỹ A ở Bên mua.
- 01 (một) Sổ hộ khẩu số 1300B mang tên chủ hộ Trần Thị T.
- 01 (một) chứng minh nhân dân cấp ngày 24/12/2007 mang tên Trần Thị T.
- 01 (một) giấy Hợp đồng mua bán ghi ngày 07/10/2019, có chữ ký, ghi tên Trần Thị T ở Bên mua.
- 01 (một) Giấy nộp tiền của Nguyễn Thái H tại ngân hàng Sacombank ghi ngày 12/7/2019.
- 01 (một) cuốn vở ô ly nhãn hiệu Ovaltine bên trong có 18 tờ đã ghi.
- 01 (một) tờ giấy vở ô ly hiệu Ovaltine có ghi chữ và số.
- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, số khung: 3210HY045857, số máy: E3X9E125309, màu xanh bạc, biển kiểm soát: 73F1 - 340.61.

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 33.180.000đ (Ba mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Tạm giữ từ người vay chị Nguyễn Thị P:

- 01 (Một) Giấy vay mượn tiền, ghi ngày 10/8/2018, có nội dung Nguyễn Thị P vay của Nguyễn Anh Đ với số tiền 10.000.000đ.

- 01 (Một) Tập sổ phụ in sao kê từ ngân hàng AGRIBANK chi nhánh tỉnh Quảng Bình.

Tại Bản cáo trạng số 168/VKS-P3 ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh Đ và Nguyễn Vũ L, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo Nguyễn Anh Đ và Nguyễn Vũ L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về tội danh.

Bị cáo Nguyễn Anh Đ trình bày: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Vũ L trình bày: Quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh Đ và bị cáo Nguyễn Vũ L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Anh Đ với mức từ 06 đến 09 tháng tù, xử phạt Nguyễn Vũ L từ 06 đến 09 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về Trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo phải trả lại số tiền lãi thu vượt quá quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và số tiền phí đã thu của các người vay. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc, tiền lãi 20% vì là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Về vật chứng: Trả lại các giấy tờ tùy thân, thẻ ATM, giấy phép lái xe, sổ hộ khẩu, chứng chỉ cho các chủ sở hữu; Tịch thu tiêu hủy vật chứng là các tờ rơi; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước các vật chứng là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và của Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt tất cả các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét các người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập, quá trình điều tra đã có lời khai, việc vắng mặt không gây trở ngại cho xét xử, do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Anh Đ và bị cáo Nguyễn Vũ L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố về số tiền cho vay, số tiền thu được và số tiền thu lợi bất chính. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đã phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập được. Hội đồng xét xử đã có cơ sở xác định:

Trong thời gian từ tháng 02/2019 đến tháng 10/2019, Nguyễn Anh Đ đã cho 17 người vay tiền với 65 gói vay, tổng số tiền cho vay là 618.000.000 đồng, lãi suất vay từ 180%/năm đến 524%/năm, gấp 9 lần đến 26,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền Nguyễn Anh Đ đã thu là 692.300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 549.336.579 đồng, tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) là 11.615.344 đồng, thu lợi bất chính 187.548.076 đồng (tiền lãi thu vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 131.348.076 đồng, tiền phí dịch vụ là 56.200.000 đồng).

Bị cáo Nguyễn Vũ L đã cho 11 người vay tiền với 34 gói vay, tổng số tiền cho vay 285.000.000 đồng, lãi suất từ 205%/năm đến 421%/năm, cao gấp 10,25 lần đến 21,05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền L đã thu là 304.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 244.281.143 đồng, tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) là 5.000.000 đồng và thu lợi bất chính số tiền 55.518.857 đồng. Số tiền phí dịch vụ Nguyễn Vũ L đã thu lợi bất chính là 24.100.000 đồng. Ngoài ra, trong thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 10/2019, Nguyễn Vũ L được Nguyễn Thái H giao quản lý, chi, thu tiền vay, L đã chi tiền cho Nguyễn Anh Đ cho 15 người vay, với tổng số tiền gốc 338.000.000 đồng, thu lợi bất chính 67.299.154 đồng; lãi suất từ 202%/năm đến 524%/năm, cao gấp 10,1 lần đến 26,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền Nguyễn Vũ L thu lợi bất chính là 146.918.011 đồng (tiền lãi thu vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 122.818.011 đồng, tiền phí dịch vụ là 24.100.000 đồng).

Hành vi cho vay với mức lãi suất gấp 05 lần trở lên lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính số tiền 187.548.076 đồng

của bị cáo Nguyễn Anh Đ và thu lợi bất chính 146.918.011 đồng của Nguyễn Vũ L đã cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại Khoản 2, Điều 201, Bộ luật hình sự nước CHXHCN Việt Nam. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Hiện nay, tình hình cho vay lãi nặng đang là vấn đề được Đảng và Nhà nước quan tâm, hành vi cho vay lãi nặng bị nghiêm cấm tuyệt đối nhưng các bị cáo vẫn bất chấp, các bị cáo lợi dụng việc cho vay, lợi dụng hoàn cảnh khó khăn cấp bách của người đi vay để cho vay với lãi suất cao (lãi nặng) nhằm thu lợi bất chính, làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo thực hiện với vai trò đồng phạm đơn giản, trong đó Nguyễn Vũ L vừa là người quản lý vừa là người thực hành, Nguyễn Anh Đ là người thực hành, vai trò của các bị cáo tương đương nhau.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, khi lượng hình hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người vay tự nguyện xác lập giao dịch vay tiền và trả nợ; bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận xét trên, xét cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội, nhằm đảm bảo tính khoan hồng, nhân đạo của Pháp luật nhà nước ta.

Đối với hình phạt bổ sung: các bị cáo khai làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

Đối với Nguyễn Anh Đ

Nguyễn Anh Đ cho vay 618.000.000 đồng, đã thu của 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền gốc 549.337.079 đồng (làm tròn số là 549.337.000 đồng), số tiền gốc chưa thu được từ các người vay 68.663.000 đồng) cần buộc các người vay nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước vì số tiền này là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội (sau khi đã làm tròn số), gồm: Buộc Nguyễn Thị P phải nộp lại 4.762.000 đồng; Hồ Sỹ V nộp 5.312.000 đồng; Ngô Thị H nộp 13.809.000 đồng; Phạm Thị N nộp 8.333.000 đồng; Lê Thị H nộp 14.523.000 đồng; Nguyễn Thị N nộp 1.818.000 đồng; Nguyễn Thị H nộp 8.750.000 đồng; Nguyễn Thị C nộp 3.750.000 đồng; Trần Thị Thúy K nộp 4.166.600 đồng; Nguyễn Thị T nộp 3.437.000 đồng. Tổng cộng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp để sung vào Ngân sách Nhà nước là: 68.663.000 đồng.

Số tiền lãi 20% mà bị cáo Đ đã thu của những người vay với số tiền 10.694.782 đồng cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Đối với Nguyễn Vũ L:

Nguyễn Vũ L thu của 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với số tiền gốc và lãi tổng cộng 302.800.936 đồng, trong đó thu gốc 242.282.078 đồng, thu lãi 20% theo quy định của BLDS là 5.000.000 đồng, thu lãi vượt quá 55.518.859 đồng, thu phí dịch vụ 24.100.000 đồng.

Cần tịch thu để sung ngân sách nhà nước số tiền gốc 242.282.000 đồng (sau khi làm tròn số) và 5.000.000 đồng lãi 20% đã thu vì số tiền này là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Cần buộc các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc 42.718.000 đồng (sau khi đã làm tròn số) đã vay của Nguyễn Vũ L nhưng chưa trả để sung ngân sách nhà nước vì đây là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, trong đó: Trần Thị H phải nộp 6.905.000 đồng, Hoàng Thanh H 2.800.000 đồng, Hoàng Thị H phải nộp 322.000 đồng, Trần Thị V phải nộp 7.804.000 đồng, Lê Thị D phải nộp 1.935.000 đồng, Trần Thị T phải nộp 4.200.000 đồng, Đặng Thị Kim C phải nộp 21.774.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ A phải nộp 6.428.000 đồng, Hoàng Thị T phải nộp 6.774.000 đồng, Nguyễn Thị M phải nộp 1.774.000 đồng.

[5] Về trách nhiệm dân sự

Nguyễn Anh Đ và Nguyễn Vũ L đã thu phí dịch vụ vay của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, việc thu phí này là trái pháp luật, do đó cần buộc Đ và L trả lại số tiền đã thu vượt 20% theo quy định của Bộ luật dân sự và số tiền thu phí của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp pháp luật. Trong đó, buộc Đ phải trả lại 131.348.000 đồng lãi vượt quá và 56.200.000 đồng phí dịch vụ, buộc L phải trả lại 55.518.000 đồng lãi vượt quá và 24.100.000 đồng phí dịch vụ.

Bị cáo Nguyễn Anh Đ phải trả: Trả cho Trần Thị H 10.376.000 đồng lãi vượt quá và 1.400.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Nguyễn Thị P 32.970.124 đồng lãi vượt quá và 14.000.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Hồ Sỹ V 6.479.000 đồng lãi vượt quá và 3.000.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Ngô Thị H 10.965.000 đồng lãi vượt quá và 5.400.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Phạm Thị N 16.984.000 đồng lãi vượt quá và 8.000.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Lê Thị H 17.887.0000 đồng lãi vượt quá và 9.000.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Nguyễn Thị N nộp 10.218.000 đồng lãi vượt quá và 3.500.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Nguyễn Thị H 233.000 đồng lãi vượt quá và 1.000.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Lê Thị L 1.312.000 đồng lãi vượt quá và 600.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Nguyễn Thị C 7.355.000 đồng lãi vượt quá và 1.500.000 đồng phí dịch vụ ; trả cho Trần Thị Thúy K 153.000 đồng lãi vượt quá và 500.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Dương Thị T 1.857.000 đồng lãi vượt quá và 300.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Võ Thị N 1.539.000 đồng lãi vượt quá và 500.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Trần Thị Q 7.123.000 đồng lãi vượt quá và 4.000.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Nguyễn Thị T 4.347.000 đồng lãi vượt quá và 2.000.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Hoàng Thị L 2.369.000 đồng lãi vượt quá và 1.000.000 đồng phí dịch vụ; trả cho Nguyễn Thị T 1.115.000 đồng lãi vượt quá và 500.000 đồng phí dịch vụ.

Bị cáo Nguyễn Vũ L phải trả: Trả lại cho Trần Thị H 14.953.000 đồng lãi vượt quá và 7.000.000 đồng phí dịch vụ; trả lại cho Hoàng Thanh H 11.181.000 đồng lãi vượt quá và 4.000.000 đồng phí dịch vụ; trả lại cho Hoàng Thị H 2.158.197 đồng lãi vượt quá; trả lại cho Trần Thị V 2.530.905 đồng lãi vượt quá và 2.000.000 đồng phí dịch vụ; trả lại cho Nguyễn Thị C 918.000 đồng lãi vượt quá và 200.000 đồng phí dịch vụ; trả lại cho Lê Thị D 4.029.000 đồng lãi vượt quá và 2.000.000 đồng phí dịch vụ; trả lại cho Trần Thị T 189.000 đồng lãi vượt quá và 1.000.000 đồng phí dịch vụ; trả lại cho Đặng Thị Kim C 2.949.000 đồng lãi vượt quá và 900.000 đồng phí dịch vụ; trả lại cho Nguyễn Thị Mỹ A 7.366.000 đồng lãi vượt quá và 4.000.000 đồng phí dịch vụ; trả lại cho Hoàng Thị T 5.179.000 đồng lãi vượt quá và 3.000.000 đồng phí dịch vụ; trả lại cho Nguyễn Thị M 4.064.000 đồng lãi vượt quá.

[6] Về xử lý vật chứng:

Hiện đang thu giữ chờ xử lý các vật chứng của Nguyễn Anh Đ, gồm: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS Max, số IMEI: 353103103256298, số seri: F2LYOF51KPHJ, gắn sim số thuê bao 0911.701.993; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, số IMEI: 358991095531651, gắn sim số thuê bao 0358.060.078; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, số khung: 202473, số máy: 202481, biển kiểm soát: 73C1 - 052.43.

Đây là các vật chứng bị cáo khai sử dụng phục vụ vào hành vi phạm tội, do đó cần tịch thu sung ngân sách nhà nước, Riêng điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 357331087303804, gắn sim số thuê bao 0366.664.350 bị cáo khai không sử dụng vào việc cho vay lãi nặng nên trả lại cho bị cáo Đ.

Thu giữ của Nguyễn Vũ L, gồm: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu trắng, số IMEI: 354492091874132, gắn sim số thuê bao 0981.876.974. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số IMEI: 356962095028875, gắn sim số thuê bao 0375.482.091. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, số seri: GHHCXOPKJWLM, số máy: MRTC2LL/A, số IMEI: 354837096716821. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, số khung: 3210HY045857, số máy: E3X9E125309, màu xanh bạc, biển kiểm soát: 73F1 - 340.61. các vật chứng này L khai sử dụng vào mục đích cho vay lãi nặng nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Các tài sản cho Nguyễn Anh Đ gồm: 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng VPBank, mang tên Nguyễn Anh Đ, số thẻ: 9704 3208 8223 6104; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Sacombank, mang tên Nguyễn Anh Đ, số thẻ: 9704 0371 9192 2345; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Agribank, mang tên Nguyễn L Chi, số thẻ: 9704 0509 5158 7711; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Vũ L, số: 9704 0509 5358 1456; 01 (một) thẻ ATM, trên thẻ có ghi Thẻ thanh toán Plus, mang tên Nguyễn Vũ L, số: 9704 0351 6591 0908; 01 (một) Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Vũ L, số: 440192005964 – là các thẻ cá nhân nên trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền : 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng) của Nguyễn Anh Đ số tiền: 33.180.000đ (Ba mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) của Nguyễn Vũ L hiện đang tạm giữ khi khám xét, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với các vật chứng có ý nghĩa chứng minh tội phạm thu giữ từ Nguyễn Anh Đ, gồm: 01 (một) bản photo sổ hộ khẩu số 2434, chủ hộ Nguyễn Thị Đào và 01 (một) bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Đ; 01 (một) bản photo sổ hộ khẩu số 396, chủ hộ Nguyễn Văn D, có vợ là Nguyễn Thị D; 01 (một) bản photo căn cước công dân số 044168000731, mang tên Nguyễn Thị D; 01 (một) tờ giấy kê ô có ghi tên của 27 người (có chữ ký của Nguyễn Anh Đ); 01 (một) sổ có bìa màu đen, có chữ NEWS (A2-K9) có chữ ký của Nguyễn Anh Đ; 01 (một) hợp đồng cầm đồ số: 055/34, Họ tên (người mang đồ) Đ. Thu giữ từ Nguyễn Vũ L, gồm: 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Vũ L, số: 9704 1801 0266 0131; 01 (một) Giấy bán xe của cửa hàng mua bán xe máy Nguyên Trang, bán xe máy Sirius, biển kiểm soát: 73C1-052.43 cho Nguyễn Thái H, ghi ngày 27/7/2019; 02 (hai) Hợp đồng mua bán có chữ ký, ghi tên Trần Thị Mỹ A ở Bên mua 01 (một) giấy Hợp đồng mua bán ghi ngày 07/10/2019, có chữ ký, ghi tên Trần Thị T ở Bên mua; 01 (một) Giấy nộp tiền của Nguyễn Thái H tại ngân hàng Sacombank ghi ngày 12/7/2019; 01 (một) cuốn vở ô ly nhãn hiệu Ovaltine bên trong có 18 tờ đã ghi; 01 (một) tờ giấy vở ô ly hiệu Ovaltine có ghi chữ và số. Thu giữ từ người vay chị Nguyễn Thị P: 01 (Một) Giấy vay mượn tiền, ghi ngày 10/8/2018, có nội dung Nguyễn Thị P vay của Nguyễn Anh Đ với số tiền 10.000.000đ; 01 (Một) Tập sổ phụ in sao kê từ ngân hàng AGRIBANK chi nhánh tỉnh Quảng Bình – cần được lưu giữ theo hồ sơ vụ án vì có ý nghĩa chứng minh tội phạm.

Các vật chứng hiện có trong hồ sơ vụ án gồm: 01 (một) Chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên mang tên Trần Thị Mỹ A ; 01 (một) Sổ hộ khẩu số 1300B mang tên chủ hộ Trần Thị T; 01 (một) chứng minh nhân dân cấp ngày 24/12/2007 mang tên Trần Thị T; 01 (một) Căn cước công dân số 044185001464, mang tên Hoàng Thị H - là những giấy tờ tùy thân nên trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với 1579 tờ rơi CHO VAY TIỀN TRẢ GÓP, có số điện thoại 0375482091 tịch thu tiêu hủy.

[7] Nguyễn Vũ L khai nhận còn cho các trường hợp người có tên H, nhà đường Nguyễn Thị Đ, xã B; người có tên Nguyễn Thị L, trú tại TDP5, phường Đ; người có tên Đặng Thị T, trú tại TDP7, phường Đ; người có tên Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, xã B, TP Đ; người có tên Đào Thị L, sinh năm 1984, trú tại thôn H, xã B, TP Đ; người có tên L, làm tạp vụ nhà ở ngõ gần cây xăng xã B, TP Đ. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình đã xác minh nhưng do thiếu thông tin có liên quan và một số trường hợp hiện không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì. Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh khi làm rõ sẽ xử lý theo đúng quy định pháp luật.

Đối với Nguyễn Thái H: hiện nay H bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định truy nã, Quyết định tách vụ án và tạm đình chỉ điều tra đối với Nguyễn Thái H, khi bắt được sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Trần Tuấn L1, quá trình điều tra xác định từ tháng 05/2019, L1 cùng tham gia hoạt động cho vay dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Thái H, hành vi của L1 độc lập không liên quan đến hành vi của hai bị can Nguyễn Anh Đ và Nguyễn Vũ L. Quá trình điều tra, xác minh tại chỗ ở, xác định Trần Tuấn L1 đã bỏ đi khỏi nơi cư

trú, đi đâu không rõ địa chỉ, không liên lạc được. Hiện Nguyễn Thái H đang bị truy nã nên chưa làm rõ được vai trò của Trần Tuấn L. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi xác minh làm rõ sẽ xử lý theo đúng quy định pháp luật.

[9 Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Anh Đ, Nguyễn Vũ L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh Đ và bị cáo Nguyễn Vũ L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Nguyễn Anh Đ 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ chấp hành án nhưng được tính trừ thời gian đã tạm giữ tạm giam trước từ ngày 08/10/2019 đến ngày 03/01/2020.

Xử phạt: Nguyễn Vũ L 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2019.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Anh Đ và bị cáo Nguyễn Vũ L.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1 Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc **618.000.000** đồng mà bị cáo Nguyễn Anh Đ dùng để cho vay. Trong đó:

Buộc bị cáo Nguyễn Anh Đ phải nộp lại **549.337.000 đồng** (Năm trăm bốn mươi chín triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Buộc các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền 68.663.000 đồng, (sáu mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn đồng) là tiền mà bị cáo Nguyễn Anh Đ cho vay chưa trả để sung vào Ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Nguyễn Thị P phải nộp: 4.762.000 đồng
- Hồ Sỹ V phải nộp 5.312.000 đồng;
- Ngô Thị H phải nộp 13.809.000
- Phạm Thị N phải nộp 8.333.000 đồng;
- Lê Thị H phải nộp 14.523.000 đồng;
- Nguyễn Thị N phải nộp 1.818.0000 đồng;
- Nguyễn Thị H phải nộp 8.750.000 đồng;
- Nguyễn Thị C phải nộp 3.750.000 đồng;
- Trần Thị Thúy K phải nộp 4.167.000 đồng;

- Nguyễn Thị T phải nộp 3.437.000 đồng.

3.2 Buộc bị cáo Nguyễn Anh Đ phải nộp 10.695.000 đồng là số tiền lãi 20% đã thu của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để sung ngân sách nhà nước.

3.3 Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc **285.000.000** đồng mà bị cáo Nguyễn Vũ L dùng để cho vay. Trong đó:

Buộc bị cáo Nguyễn Vũ L phải nộp lại **242.282.000 đồng** (Hai trăm bốn mươi hai triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Buộc các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền 42.718.000 đồng, (Bốn mươi hai triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng) là tiền mà bị cáo Nguyễn Vũ L cho vay chưa trả để sung vào Ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Trần Thị H phải nộp 6.905.000 đồng,
- Hoàng Thanh H 2.800.000 đồng,
- Hoàng Thị H phải nộp 322.000 đồng,
- Trần Thị V phải nộp 7.804.000 đồng,
- Lê Thị D phải nộp 1.935.000 đồng,
- Trần Thị T phải nộp 4.200.000 đồng,
- Đặng Thị Kim C phải nộp 21.774.000 đồng,
- Nguyễn Thị Mỹ A phải nộp 6.428.000 đồng,
- Hoàng Thị T phải nộp 6.774.000 đồng,
- Nguyễn Thị M phải nộp 1.774.000 đồng.

3.4 Buộc bị cáo Nguyễn Vũ L phải nộp 5.000.000 đồng là số tiền lãi 20% đã thu của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để sung ngân sách nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015,

4.1 Buộc Nguyễn Anh Đ có trách nhiệm trả lại số tiền lãi thu vượt quá quy định của Bộ luật dân sự và tiền phí dịch vụ cho các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

- Trả cho Trần Thị H 10.376.000 đồng lãi vượt quá và 1.400.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả cho Nguyễn Thị P 32.970.124 đồng lãi vượt quá và 14.000.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả cho Hồ Sỹ V 6.479.000 đồng lãi vượt quá và 3.000.000 đồng phí dịch vụ;
- Trả cho Ngô Thị H 10.965.000 đồng lãi vượt quá và 5.400.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả cho Phạm Thị N 16.984.000 đồng lãi vượt quá và 8.000.000 đồng phí dịch vụ.

- Trả cho Lê Thị H 17.887.0000 đồng lãi vượt quá và 9.000.000 đồng phí dịch vụ
- Trả cho Nguyễn Thị N nộp 10.218.000 đồng lãi vượt quá và 3.500.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả cho Nguyễn Thị H 233.000 đồng lãi vượt quá và 1.000.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả cho Lê Thị L 1.312.000 đồng lãi vượt quá và 600.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả cho Nguyễn Thị C 7.355.000 đồng lãi vượt quá và 1.500.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả cho Trần Thị Thúy K 153.000 đồng lãi vượt quá và 500.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả cho Dương Thị T 1.857.000 đồng lãi vượt quá và 300.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả cho Võ Thị N 1.539.000 đồng lãi vượt quá và 500.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả cho Trần Thị Q 7.123.000 đồng lãi vượt quá và 4.000.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả cho Nguyễn Thị T 4.347.000 đồng lãi vượt quá và 2.000.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả cho Hoàng Thị L 2.369.000 đồng lãi vượt quá và 1.000.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả cho Nguyễn Thị T 1.115.000 đồng lãi vượt quá và 500.000 đồng phí dịch vụ.

4.2 Buộc Nguyễn Vũ L có trách nhiệm trả lại số tiền lãi thu vượt quá và tiền phí dịch vụ cho các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau (làm tròn số).

- Trả lại cho Trần Thị H 14.953.000 đồng lãi vượt quá và 7.000.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả lại cho Hoàng Thanh H 11.181.000 đồng lãi vượt quá và 4.000.000 đồng phí dịch vụ.
- Trả lại cho Hoàng Thị H 2.158.197 đồng lãi vượt quá.
- Trả lại cho Trần Thị V 2.530.905 đồng lãi vượt quá và 2.000.000 đồng phí dịch vụ
- Trả lại cho Nguyễn Thị C 918.000 đồng lãi vượt quá và 200.000 đồng phí dịch vụ
- Trả lại cho Lê Thị D 4.029.000 đồng lãi vượt quá và 2.000.000 đồng phí dịch vụ
- Trả lại cho Trần Thị T 189.000 đồng lãi vượt quá và 1.000.000 đồng phí dịch vụ

- Trả lại cho Đặng Thị Kim C 2.949.000 đồng lãi vượt quá và 900.000 đồng phí dịch vụ

- Trả lại cho Nguyễn Thị Mỹ A 7.366.000 đồng lãi vượt quá và 4.000.000 đồng phí dịch vụ

- Trả lại cho Hoàng Thị T 5.179.000 đồng lãi vượt quá và 3.000.000 đồng phí dịch vụ

- Trả lại cho Nguyễn Thị M 4.064.000 đồng lãi vượt quá.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Xử lý vật chứng, đồ vật còn tạm giữ, nhập vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

5.1 Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước các vật chứng là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội :

Tịch thu sung ngân sách nhà nước các vật chứng của Nguyễn Anh Đ

01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS Max, số IMEI: 353103103256298, số seri: F2LYOF51KPHJ, gắn sim số thuê bao 0911.701.993; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, số IMEI: 358991095531651, gắn sim số thuê bao 0358.060.078; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, số khung: 202473, số máy: 202481, biển kiểm soát: 73C1 - 052.43.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước các vật chứng của Nguyễn Anh Đ

01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu trắng, số IMEI: 354492091874132, gắn sim số thuê bao 0981.876.974. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số IMEI: 356962095028875, gắn sim số thuê bao 0375.482.091. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, số seri: GHHCOPKJWLM, số máy: MRTC2LL/A, số IMEI: 354837096716821. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, số khung: 3210HY045857, số máy: E3X9E125309, màu xanh bạc, biển kiểm soát: 73F1 - 340.61.

5.2 Tạm giữ số tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 357331087303804, gắn sim số thuê bao 0366.664.350 của Nguyễn Anh Đ và tạm giữ số tiền: 33.180.000đ (Ba mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) của Nguyễn Vũ L để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng hiện có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình có đặc điểm, số lượng theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 13/3/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; Ủy nhiệm chỉ lập ngày 13/3/2020 do Phòng Cảnh sát thi hành án và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh

Quảng Bình chuyển vào tài khoản 3949.01054377.00000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình).

5.3 Lưu tại Hồ sơ vụ án là những tài liệu có ý nghĩa chứng minh tội phạm như sau:

- Các tài liệu, vật chứng thu giữ tại Nguyễn Anh Đ gồm: 01 (một) bản photo sổ hộ khẩu số 2434, chủ hộ Nguyễn Thị Đ và 01 (một) bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Đ; 01 (một) bản photo sổ hộ khẩu số 396, chủ hộ Nguyễn Văn D, có vợ là Nguyễn Thị D; 01 (một) bản photo căn cước công dân số 044168000731, mang tên Nguyễn Thị D; 01 (một) tờ giấy kê ô có ghi tên của 27 người (có chữ ký của Nguyễn Anh Đ). 01 (một) sổ có bìa màu đen, có chữ NEWS (A2-K9) có chữ ký của Nguyễn Anh Đ; 01 (một) hợp đồng cầm đồ số: 055/34, Họ tên (người mang đồ) Đ;

- Các tài liệu vật chứng thu giữ từ Nguyễn Vũ L : 01 (một) Giấy bán xe của cửa hàng mua bán xe máy Nguyên Trang, bán xe máy Sirius, biển kiểm soát: 73C1-052.43 cho Nguyễn Thái H ghi ngày 27/7/2019; 02 (hai) Hợp đồng mua bán có chữ ký, ghi tên Trần Thị Mỹ A ở Bên mua; 01 (một) giấy Hợp đồng mua bán ghi ngày 07/10/2019, có chữ ký, ghi tên Trần Thị T ở Bên mua; 01 (một) Giấy nộp tiền của Nguyễn Thái H tại ngân hàng Sacombank ghi ngày 12/7/2019; 01 (một) cuốn vở ô ly nhãn hiệu Ovaltine bên trong có 18 tờ đã ghi; 01 (một) tờ giấy vở ô ly hiệu Ovaltine có ghi chữ và số.

- Tài liệu thu được từ người vay chị Nguyễn Thị P: 01 (Một) Giấy vay mượn tiền, ghi ngày 10/8/2018, có nội dung Nguyễn Thị P vay của Nguyễn Anh Đ với số tiền 10.000.000đ; 01 (Một) Tập sổ phụ in sao kê từ ngân hàng AGRIBANK chi nhánh tỉnh Quảng Bình.

5.4 Trả lại các giấy tờ tùy thân cho các chủ sở hữu:

Trả lại cho Trần Thị T các tài liệu: 01 (một) Sổ hộ khẩu số 1300B mang tên chủ hộ Trần Thị T; 01 (một) chứng minh nhân dân cấp ngày 24/12/2007 mang tên Trần Thị T; Trả lại cho chị Trần Thị Mỹ A 01 (một) Chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên mang tên Trần Thị Mỹ A. Trả lại cho chị Hoàng Thị H 01 căn cước công dân số 044185001464 cấp ngày 17/07/2017 mang tên Hoàng Thị H.

Trả lại các tài sản cho Nguyễn Anh Đ gồm: 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng VPBank, mang tên Nguyễn Anh Đ, số thẻ: 9704 3208 8223 6104; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Sacombank, mang tên Nguyễn Anh Đ, số thẻ: 9704 0371 9192 2345; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Agribank, mang tên Nguyễn Linh C, số thẻ: 9704 0509 5158 7711.

Trả lại cho Nguyễn Vũ L: 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Vũ L, số: 9704 0509 5358 1456; 01 (một) thẻ ATM, trên thẻ có ghi Thẻ thanh toán Plus, mang tên Nguyễn Vũ L, số: 9704 0351 6591 0908; 01 (một) Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Vũ L, số: 440192005964.

5.5 Tịch thu tiêu hủy 1579 (một nghìn năm trăm bảy mươi chín) tờ roi CHO VAY TIỀN TRẢ GÓP, có số điện thoại 037548209 vì không có giá trị sử dụng.

(Các vật chứng này hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án)

6. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử buộc Nguyễn Anh Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 9.377.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Buộc Nguyễn Vũ L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.455.000 án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Vụ GDKT 1 TANDTC
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Đức Long